TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **40 /2020**/DS-ST
Ngày: 29/7/2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Tuyết**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Văn Thắng**
2. Bà **Phạm Thị Em**

- ***Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Ông Đoàn Ngọc Sơn - thư ký tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà La Thị Thúy Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc "*tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1949;
ĐKTT: A, ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre

2. *Bị đơn:* Bà Trương Thị Bích T, sinh năm 1966;
Địa chỉ: B, ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre

Ông Đặng Thanh H1, sinh năm 1963;
Địa chỉ: C, khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Bà H có mặt, bà T và ông H1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày:

Trong thời gian bà T làm chủ hụi ở địa phương, bà có vô hụi của bà T 6 dây hụi, cụ thể như sau:

Hụi 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) khui ngày 6/7/2017 (al), có 27 phần, bà vô 01 phần đóng được 21 phần thì bà T tuyên bố bể hụi, số tiền bà đóng được ở dây hụi này là 3.435.000 đồng (*ba triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn đồng*).

Hụi 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), khui ngày 20/11/2016 (al), có 22 phần, bà vô 02 phần, khui được 20 phần thì bà T tuyên bố bể hụi; số tiền bà đóng được ở dây hụi này là 9.560.000 đồng (*chín triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng).*

Hụi 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), khui ngày 10/01/2017 (al), có 21 phần, bà vô 01 phần, khui được 18 phần thì bà T tuyên bố bể hụi; số tiền bà đóng được ở dây hụi này là 7.110.000 đồng (*bảy triệu một trăm mười ngàn đồng*).

Hụi 100.000 đồng (*một trăm ngàn đồng*), khui ngày 25/04/2018 (al), có 30 phần, bà vô 02 phần, khui được 02 phần thì bà T tuyên bố bể hụi; số tiền bà đóng được ở dây hụi này là 290.000 đồng (*hai trăm chín mươi ngàn đồng*).

Hụi 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng), khui ngày 15/02/2018 (al), có 30 phần, bà vô 02 phần, khui được 14 phần thì bà T tuyên bố bể hụi; số tiền bà đóng được ở dây hụi này là 530.000 đồng (năm trăm ba mươi ngàn đồng).

Hụi 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), khui ngày 06/11/2017 (al), có bao nhiêu phần thì bà không biết. Bà vô 03 phần, khui được 07 phần thì bà T tuyên bố bể hụi; số tiền bà đóng được ở dây hụi này là 78.000.000 đồng (bảy mươi tám triệu đồng).

Tổng số tiền bà đóng được 6 dây hụi cho bà T là 98.925.000 đồng (*chín mươi tám triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

Sau khi bể hụi, bà và bà T có giấy chốt nợ hụi với số tiền là 102.690.000 đồng (*một trăm lẻ hai triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng)* vào ngày 11/7/2018 (al), số tiền này đã bao gồm tiền lời hụi nhưng thực tế bà chỉ đóng cho bà T số tiền hụi là 98.925.000 đồng (*chín mươi tám triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

Theo bà H, bà T làm chủ hụi đã nhiều năm từ 2016 tới 2018, làm chủ nhiều dây hụi. Bà T và chồng là ông Đặng Thanh H1 đi góp tiền hụi và dùng số tiền này lo cho con ăn học, mua đất để kinh doanh, chi tiêu sinh hoạt gia đình.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Bích T cùng chồng là Đặng Thanh H1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền hụi là 98.925.000 đồng (*chín mươi tám triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng*), bà H không yêu cầu tính lãi số tiền nên trên.

Bị đơn bà Trương Thị Bích T và ông Đặng Thanh H1 được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự các phiên hòa giải và công khai chứng cứ tại tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục về tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, đảm bảo việc xét xử vô tư, khách quan.

Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành tốt theo việc triệu tập của tòa án.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trương Thị Bích T cùng ông Đặng Thanh H1 liên đới trả cho bà Bùi Thị H số tiền hụi là 98.925.000 đồng, bà H không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng:

Giữa bà Bùi Thị H và bà Trương Thị Bích T có giao dịch về chơi hụi với nhau do bà T là chủ hụi, ông Đặng Thanh H1 là chồng của bà T, hiện tại còn hôn nhân hợp pháp với bà T, do bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trong quá trình chơi hụi nên bà H khởi kiện yêu cầu bà T cùng chồng có trách nhiệm trả tiền hụi cho bà H nên đây là vụ án của tranh chấp hợp đồng góp hụi giữa nguyên đơn là bà Bùi Thị H với bị đơn bà Trương Thị Bích T, ông Đặng Thanh H1 thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án.

Bị đơn bà Trương Thị Bích T và ông Đặng Thanh H1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa nên tòa giải quyết và xét xử vắng mặt bà T, ông H1 là phù hợp quy định tại khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung:

Nguyên đơn bà Bùi Thị H yêu cầu bị đơn bà Trương Thị Bích T cùng chồng là ông Đặng Thanh H1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền hụi là 98.925.000 đồng, bà H không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ cho yêu cầu của nguyên đơn là tờ giấy tay xác nhận số tiền nợ hụi do bà T viết, nguyên đơn cung cấp cho tòa.

Theo lời trình bày của nguyên đơn cũng như quá trình xác minh và thu thập chứng cứ thì bà Trương Thị Bích T là chủ hụi ở địa phương, giữa bà Bùi Thị H và bà Trương Thị Bích T có giao dịch chơi hụi và nhiều hụi viên khác nữa. Vào tháng 7 năm 2018 bà T bị bể hụi, sau khi bể hụi thì bà T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hụi cho những người chơi hụi, trong đó có bà H.

Xét tờ giấy tay có tiêu đề " giấy thiếu tiền hụi" do nguyên đơn cung cấp thấy rằng: nội dung tờ giấy tay này thể hiện bà Trương Thị Bích T có thiếu tiền hụi của bà H là 102.690.000 đồng, có đề ngày tháng, có chữ ký đề tên Trương Thị Bích T. Qua kết quả trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký thì xác định đúng là chữ viết và chữ ký của bà Trương Thị Bích T. Do đó có đủ căn cứ để khẳng định bà Trương Thị Bích T có nợ

bà Bùi Thị H số tiền hụi là 102.690.000 đồng (*một trăm lẻ hai triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng).*

Xét trách nhiệm liên đới của ông Đặng Thanh H1 với bà Trương Thị Bích T thấy rằng: quá trình giao dịch hụi do bà T làm chủ diễn ra lúc bà T và ông H1 còn hôn nhân hợp pháp, hiện tại bà T và ông H1 vẫn còn là vợ chồng, qua kết quả xác minh thì cho thấy bà T tham gia các giao dịch hụi vì mục đích kinh tế chung của gia đình, chứ bà không làm ăn riêng hay tách bạch kinh tế với chồng. Vì vậy, ông H1 có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả nợ là phù hợp quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà H chỉ yêu cầu bà T và chồng là ông Đặng Thanh H1 trả số tiền hụi là 98.925.000 đồng (*chín mươi tám triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng)*. Do đó, có đủ căn cứ để buộc bà Trương Thị Bích T cùng ông Đặng Thanh H1 liên đới trả cho bà Bùi Thị H số tiền nợ hụi là 98.925.000 đồng (*chín mươi tám triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng)*. Bà H không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

Về chi phí giám định trong vụ án là 900.000 đồng (*chín trăm ngàn đồng*), do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải có trách nhiệm chịu số tiền chi phí giám định này, bà T, ông H1 phải có nghĩa vụ trả lại cho bà H số tiền này là phù hợp.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trương Thị Bích T cùng chồng là ông Đặng Thanh H1 có trách nhiệm liên đới chịu án phí theo quy định với số tiền là 4.946.000 đồng.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị định 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H đối với bị đơn bà Trương Thị Bích T, ông Đặng Thanh H1 về việc kiện đòi lại số tiền nợ hụi là 98.925.000 đồng.

Buộc bà Trương Thị Bích T cùng ông Đặng Thanh H1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Bùi Thị H số tiền hụi là 98.925.000 đồng (*chín mươi tám triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

Ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi đới với số tiền này.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T và ông H1 chưa thi hành xong số tiền trên thì bà T, ông H1 phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]Về chi phí tố tụng: Buộc bà Trương Thị Bích T, ông Đặng Thanh H1 trả lại cho bà Bùi Thị H số tiền 900.000 đồng (*chín trăm ngàn đồng*)

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị Bích T và ông Đặng Thanh H1 liên đới chịu 4.946.000 đồng.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bến Tre;
-VKSND huyện C;
-Chi cục THADS huyện C;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Tuyết

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**